

DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Đính kèm Thông báo số 773/KSBT-TB ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	PHẦN 1: HOÁ CHẤT					
1	Bộ nhuộm pap'smear			Bộ	6	
	EA50	Thành phần: Ethyl Alcohol, Isopropyl Alcohol, Methyl Alcohol, Select Stains, nước, Glacial Acetic Acid..	Chai 500ml			
	Hematoxin	pH: 2,3-2,5; Thành phần gồm: nước, Hemaloxylin, muối Aluminum, Select Glycots, Select Acid, chất bảo quản..	Chai 500ml			
	OG6	Thành phần: Ethyl Alcohol, Isopropyl Alcohol:, Methyl Alcohol, Phosphotungstic Acid:, Orange G, nước..	Chai 500ml			
2	Chlorine test	Bộ Chlorine test có đĩa so màu: thang đo 0,1 – 0,2 – 0,3 – 0,4 – 0,6 – 0,8 – 1,0 – 1,5 – 2,0 mg/l Cl ₂ .	600 test/bộ	Bộ	1	
3	Dung dịch chuẩn amoni 1000mg/l	Nồng độ amoni 1000±2mg/l	Chai 500ml	Chai	1	
4	Dung dịch đệm pH 7 màu vàng	Nồng độ 7,00±0.02	Chai 500ml	Chai	1	
5	Hydrogen peroxyt H ₂ O ₂ 30%	Độ tinh khiết >= 30%	chai 250ml	Chai	1	
6	Magnesium sulfate heptahydrate MgSO ₄ .7H ₂ O	Độ tinh khiết 99.0 - 100.5%	Chai 250g	Chai	1	
7	Triethanolamine	Độ tinh khiết ≥ 99%	Chai 250ml	Chai	1	
8	Potassium permanganate solution KMnO ₄ 0.1 N (0.02000M)	Nồng độ 0.01990-0.02010mg/l	chai 1lít	Chai	1	
9	Bộ hóa chất tách chiết RNA vi rút	In-vitro. Phương pháp cột ly tâm. Sử dụng cho bệnh phẩm huyết tương, huyết thanh. Tách RNA thể tích cuối thu được 10µL-50µL	50 test/bộ	Hộp/50 test	3	
10	Permethrine	Thành phần hoạt chất Permethrin ≥ 50%.	Chai 1 lít	Lít	250	
11	Potassium dihydrogen phosphat KH ₂ PO ₄	Độ tinh khiết phân tích	chai 1kg	Chai	1	
12	Dung dịch chuẩn Sắt 1000mg/l	Nồng độ 984 ±4mg/kg	chai 500ml	Chai	1	
13	Calcium carbonate CaCO ₃	Độ tinh khiết 99.95±0.05%	chai 50g	Chai	1	

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
14	Sodium chloride NaCl	Độ tinh khiết 99.92±0.05%	chai 80g	Chai	1	
15	Acid clohydric HCl 37%	Độ tinh khiết 35-38%	chai 1lit	Chai	3	
16	Sodium hydroxide NaOH	Độ tinh khiết >= 99%	chai 1kg	Chai	1	
17	Acid phosphoric H3PO4 85%	Độ tinh khiết 85%	chai 1lit	Chai	1	
18	Amonia solution NH4OH 25%	Độ tinh khiết 25%	chai 1lit	Chai	1	
19	Amonium acetate CH3COONH4	Độ tinh khiết phân tích	chai 500g	Chai	1	
20	EDTA (Titriplex III) C10H14N2Na2O8.2H2O	Độ tinh khiết phân tích	chai 100g	Chai	1	
21	Potassium chromate K2CrO4	Độ tinh khiết phân tích	chai 250g	Chai	1	
22	Silver nitrate AgNO3	Độ tinh khiết phân tích	chai 25g	Chai	1	
23	1'10-Phenanthroline C12H8N2.H2O	Độ tinh khiết phân tích	chai 10g	Chai	1	
24	O- Tolidine	Dạng bột, độ tinh khiết phân tích	chai 25g	Chai	2	
25	Mercury(II) sulphate HgSO4	Độ tinh khiết phân tích	chai 100g	Chai	1	
26	Potassium iodide KI	Độ tinh khiết phân tích	chai 500g	Chai	1	
	Tổng (I): 26 mặt hàng					
II	PHẦN 2: SINH PHẨM					
1	Test xét nghiệm nhanh HIV	Độ nhạy ≥ 99,5%. Độ đặc hiệu ≥ 98%		Test	6.000	
2	Test xét nghiệm nhanh Methamphetamine	Độ nhạy ≥ 99,8%, Độ đặc hiệu ≥ 99,6%		Test	2.300	
3	Test xét nghiệm nhanh Morphine - Heroin	Độ nhạy ≥ 99% , Độ đặc hiệu ≥ 99%		Test	2.500	
4	Test xét nghiệm Elisa Dengue IgM	In-vitro. Phương pháp Elisa Kháng thể đích IgM Plate gồm 12 thanh, mỗi thanh 8 giếng. Độ hấp thụ ở bước sóng 450 nm. Sử dụng cho bệnh phẩm huyết tương, huyết thanh Độ nhạy >95%, Độ đặc hiệu > 95%		Test	288	
5	Bộ xét nghiệm Real-time RT PCR định tính type virus Dengue.	In-vitro. Kỹ thuật Realtime RT-PCR. Phát hiện riêng biệt Dengue: type 1; type 2; type 3; type 4. Thành phần cung cấp: đầy đủ các loại PCR mix, Primer, Probe, enzym, chứng dương C+, chứng âm C-, chứng nội IC. Độ nhạy >95%. Độ đặc hiệu > 95%		Hộp	2	

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
6	Test xét nghiệm NS1	Độ nhạy >95%. Độ đặc hiệu > 95%		Test	150	
7	Bộ kháng huyết thanh Vibrio Cholerae O1	- Vibrio Cholerae O1 Polyvalent Agglutinating Serum	Bộ 01 lọ 02 ml	Bộ	1	
8	Bộ kháng huyết thanh Shigella	01 Bộ gồm: - Shigella dysenteriae - Shigella flexneri 1-6, x, y - Shigella boydii 1-6 - Shigella boydii 7-11 - Shigella boydii 12-15 - Shigella sonnei 1 and 2	Bộ 06 lọ, 02 ml/lọ	Bộ	1	
9	Bộ kháng huyết thanh Salmonella	01 Bộ gồm: - Salmonella Polyvalent O A-G - Salmonella Polyvalent O A-S - Salmonella Polyvalent H phase 1 and 2	Bộ 03 lọ, 02 ml/lọ	Bộ	1	
	Tổng (II): 09 mặt hàng					
III	PHẦN 3: VẬT TƯ Y TẾ					
1	Băng cá nhân y tế	Thành phần: Polyethylene có độ dính cao	hộp/102 miếng	Miếng	2.346	
2	Bao cao su	Bao cao su không màu, trong mờ, không bị xì, rách; Chiều dài: ≥165 mm , chiều rộng: 49 ±2mm đến 52mm ± 2 mm	Hộp 120 cái	Cái	2.700	
3	Bình định mức	Dung tích 1000ml A vạch xanh, nút nhựa, thủy tinh chịu nhiệt	Hộp/cái	cái	2	
4	Bình tam giác cổ mài	Cổ mài không nắp, 29/32, 100 ml	Hộp/cái	cái	5	
5	Bơm định liều 10ml	Thẻ tích bơm 1-10ml, bước điều chỉnh 0,25ml, dùng phát thuốc	hộp 1 cái	cái	2	
6	Bơm kim tiêm 5ml	Loại kim 25G x 5/8, sử dụng 1 lần	hộp 100 cái	Cái	5.700	
7	Bông y tế thấm nước	Xuất xứ từ xơ của các loài bông, bông dạng tấm được xếp thành ống hình trụ, không màu, không có sợi nào bị nhuộm màu	bịch 1kg	Kg	12	
8	Bông y tế viên	Loại bông viên phi 20mm thành phần là bông thiên nhiên khả năng thấm hút nhanh, không kích ứng da, đã được tiệt trùng	1kg/ Bịch	Kg	9	
9	Cây Spatula	Làm bằng gỗ, 2 đầu: 1 đầu tù lớn, 1 đầu tù nhỏ ; KT:(180 x 18 x 2) mm	Hộp 100 que	que	1.200	
10	Cồn 70 độ	Thành phần Ethanol 70%	Chai 1 lít	Chai	106	
11	Cồn 90 độ	Dạng chất lỏng, trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng Ethanol, không có mùi lạ; thành phần: Ethanol 90%	Chai 1 lít	Chai	90	

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
12	Dung dịch sát khuẩn tay	Thành phần chính là Ethanol,	Chai 500ml	Chai	10	
13	Đầu tip lọc 1000μL	Có lọc, tiệt trùng, Độ tinh sạch cao. Không có RNase & Dnase. Hộp/96 chiếc. Thể tích 1000μL	hộp 96 chiếc	Chiếc	480	
14	Đầu tip lọc 10μL	Có lọc, tiệt trùng, Độ tinh sạch cao. Không có RNase & Dnase. Hộp/96 chiếc. Thể tích 10μL	hộp 96 chiếc	Chiếc	480	
15	Đầu tip lọc 200μL	Có lọc, tiệt trùng, Độ tinh sạch cao. Không có RNase & Dnase. Hộp/96 chiếc. Thể tích 200μL	hộp 96 chiếc	Chiếc	768	
16	Đầu tip vàng có khóa	Cấu tạo bằng Polypropylen, thể tích hút từ 5μl đến 200μl		Cái	4.000	
17	Đầu tip xanh	Cấu tạo bằng Polypropylen, thể tích hút từ 100μl đến 1000μl		Cái	2.000	
18	Găng tay y tế	Tiệt trùng, không bột talc	hộp 50 đôi	đôi	650	
19	Găng tay y tế	Chiều dài: 240 mm, chiều rộng: 95 (±3mm)# size S,M, L không bột, chỉ tay se viền	hộp 100 chiếc	Đôi	2.400	
20	Găng tay y tế	Có bột	hộp 100 chiếc	Đôi	2.250	
21	Gel rửa tay	Dạng gel rửa tay khô sạch khuẩn 100% khi sử dụng không cần rửa lại bằng nước	chai 500 ml	Chai	40	
22	Giấy y tế	Kích thước 40cm x 50 cm	Thùng/ 20 kg	kg	72	
23	Khẩu trang y tế than hoạt tính	Đạt tiêu chuẩn của nhà sản xuất 3 lớp	hộp 50 cái	Cái	900	
24	Khẩu trang y tế	Loại 4 lớp, vải không dệt 100% Polypropylen	hộp 50 cái	Cái	4.400	
25	Kim chọc máu	Đường kính kim 28G, có nắp bảo vệ, đã tiệt trùng	Hộp/100 cái	Cái	5.220	
26	Lam kính xét nghiệm	Kích thước: (25.4 x 76.2)mm Độ dày: 1.2 mm	Hộp 72 miếng	miếng	2.160	
27	Máy đo huyết áp bắp tay	Dùng đo huyết áp bắp tay Dải đo huyết áp Tâm thu (60 - 255 mmHg), Tâm trương (30 - 195 mmHg) Dải đo nhịp tim 40 - 199 nhịp/phút Độ chính xác huyết áp ± 3 mmHg. Độ chính xác nhịp tim ± 4% Máy điện tử	hộp 1 cái	Cái	3	
28	Nước cất 02 lần	Là chất lỏng không màu, không mùi, không cháy.	Thùng /20 lít	Lít	10	
29	Ống ly tâm 1.5ml	Cấu tạo bằng nhựa PP Y tế, nắp ren vặn, có thể đông tan nhiều lần, chịu được nhiệt độ âm 86 độ C	Bịch/500 ống	Tube	500	
30	Ống nghiệm 5 ml có nắp	Thể tích chứa mẫu giới hạn từ 5ml- 8ml, có nắp	Bịch/ 500 cái	Cái	5.500	

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
31	PCR Tube 0,2 ml	Không có RNase & Dnase Sử dụng cho xét nghiệm PCR Có nắp đậy phẳng, kín chính xác Màu trong tự nhiên	Bịch/ 100 cái	cái	150	
32	Xe lăn	Khung hợp kim nhôm Kích thước (Kích thước đóng gói): $\geq (70\text{cm} \times 20\text{cm} \times 65\text{cm})$	Thùng/ Chiếc	Chiếc	45	
33	Xe lắc	Loại sắt sơn tĩnh điện, nệm simili, có mái che hoặc không mái che Kích thước: $\geq (40 \times 1000 \times 1700 \text{ cm})$	Thùng/ chiếc	Chiếc	22	
34	Gậy	Dạng: để bằng Gậy 4 chân, tay thẳng, inox	Thùng/cây	Cây	185	
35	Màng lọc sợi thủy tinh	Màng lọc sợi thủy tinh borosilicate 934AH 1.5um; 47mm		hộp	1	
36	Máy đo nhiệt độ điện tử	Bộ gồm nhiệt kế và đầu dò. Đầu dò rời Dây đo từ (-50) đến (200) độ C, độ phân giải 0.1 độ C, dây nối đầu dò tới máy bằng kim loại dài $\geq 1\text{m}$ 1 bộ gồm: nhiệt kế điện tử + đầu dò cáp nối kim loại	Bộ	Bộ	2	
37	Nhiệt ẩm kế điện tử	Độ phân giải 0.1 độ C, 1%RH, dây đo 0 độ C đến +50 độ C, 10%RH – 99%RH.		cái	4	
38	Bộ lọc thủy tinh	Phễu thủy tinh Borosilicate, đế và nắp ống; kẹp lò xo nhôm ; hỗ trợ bộ lọc kính . Phễu lọc :300ml; Bình :1L. Ô cắm 6mm(1/4 in.) O.D nắp ống dẫn đến chân không. Vùng lọc 9.6cm ² . Đường kính lọc 47mm		cái	2	
39	Ống nessler	Ống Nessler thủy tinh, đường kính 2,5 cm, dài 25cm, thể tích 50ml ,nắp mài. vạch chia 1ml. Khoảng cách từ vạch chia cuối cùng tới miệng ống $\geq 5\text{cm}$		cái	30	
40	Ống đong	Chất liệu: thủy tinh, thể tích 50ml, vạch 1ml		cái	5	
41	Ống đong	Chất liệu: thủy tinh, thể tích 250ml, vạch 1ml		cái	2	
42	Pipet bầu	Chất liệu: thủy tinh 1 vạch, Class AS, vạch xanh 1ml		cái	9	
43	Pipet bầu	Chất liệu: thủy tinh 1 vạch, Class AS, vạch xanh 2ml		cái	9	
44	Pipet bầu	Chất liệu: thủy tinh 1 vạch, Class AS, vạch xanh 5ml		cái	9	
45	Pipet bầu	Chất liệu: thủy tinh 1 vạch, Class AS, vạch xanh 10ml		cái	8	
46	Ống nhỏ giọt	Nhựa, thể tích 3ml, Chiều dài: 150mm, Chia vạch 0.5ml		cái	500	
	Tổng (III): 46 mặt hàng					
IV	PHẦN 4: HOÁ CHẤT THEO MÁY					
1	Thuốc Thử Đo Clo Dư	Dạng Nước, 300 Lần Đo HI93701 sử dụng cho Máy Quang Đo Clo Dư Và Clo Tổng Trong Nước Sạch HANNA HI97711	300test/Bộ	Bộ	1	
2	Bioline™ HIV1/2 3.0	Độ nhạy $\geq 99,5\%$. Độ đặc hiệu $\geq 98\%$		Test	500	

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
3	Determine HIV1/2	Độ nhạy $\geq 99,5\%$, Độ đặc hiệu $\geq 98\%$		Test	500	
4	Que thử đường huyết	Thành phần thuốc thử: hoạt chất: Glucose oxidase; Potassium ferricyanide . Sử dụng được với máy SD Check		Que	2.000	
	Tổng (IV): 04 mặt hàng					
	Tổng (I+II+III+IV): 87 mặt hàng					